

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3	7:25	22	0	21	0		
2		TD1+CLO	7:25	7+15	0+0	4+18	0+0		
3		P3+P4+CLO	7:25	8+14+0	0+0+0	1+16+5	0+0+0		
4		RP3+TD1	9:25	2+20	0+0	2+20	0+0		
5		P10+PPD	9:25	20+1	0+0	13+9	0+0		
6		P4+PPD	9:25	4+18	0+0	1+21	0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày: RP3 - 2 người



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHM - NPHU - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG THANH HOA	RP3	15	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM TIEN PHI	RP3	46	1	7			84	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ANH	RP3	95	1	4			70	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN SANG	RP3	308-310	3	10			59	KHI	Vietnamese
5	TRAN VAN SEN	RP3	13	1	5	4	70	71	KHI	Vietnamese
6	LE NHU NGUYEN	RP3	312-313	2	10			66	KHI	Vietnamese
7	DANG HUY KHANH	RP3	06	1	6			76	KHI	Vietnamese
8	HO VAN LUONG	RP3	93	1	3			65	KHI	Vietnamese
9	PANKRATOV ROMAN	RP3	47	1	11			94	KHI	Russian
10	NGUYEN VIET KY	RP3	16	1	4			72	KHI	Vietnamese
11	PHAM VAN LAP	RP3						68	KHI	Vietnamese
12	HA THE BAO	RP3	96	1	10			82	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HA	RP3	12	1	4			81	KHI	Vietnamese
14	HO DIEN VUONG	RP3						65	KHI	Vietnamese
15	HO XUAN LAM	RP3	94	1	2			77	KHI	Vietnamese
16	VU DUY KHANH	RP3	07	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG VAN MANH	RP3	311	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUYET TIEN	RP3	09	1	5			69	PV GAS	Vietnamese
19	DANG VAN HUU	RP3	10-11	2	9			73	PV GAS	Vietnamese
20	LUU VAN KHAI	RP3	97	1	6			72	KHI	Vietnamese
21	PHAM PHI BAO	RP3	98	1	5			61	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG NAM	RP3	14	1	3			63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.566	24	125	4	70	21		
	TOTAL	22	1.566	24	125	4	70	21		
	WEIGHT KG		1.566		125		70			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2025	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG -	ETA: 09:25
CAM-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ TIÊN DŨNG	TD1	67	1	7	2	40	58	D-HANH	Vietnamese
2	ZHARIKOV V. A.	TD1	62	1	14			70	KHOAN	Russian
3	PHAN VIỆT HUNG	TD1	65	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	64	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	68	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
6	MAI XUÂN TÙNG	TD1	63	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD1	66	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
8	VOROBYEV SERGEY	CLO	59	1	3	3	50	98	KHOAN	Russian
9	BUI ĐỨC LUẬN	CLO	42-43	2	11			77	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG THANH	CLO	53	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	51	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	50	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN LY	CLO	52	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	45	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT CHIẾN	CLO	55-56	2	15			73	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN KIM HUNG	CLO	44	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BUI QUANG	CLO	46-47	2	8			68	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM TIẾN VINH	CLO	49	1	13			83	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC THẮNG	CLO	84	1	10			57	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ THẾ ANH	CLO	60	1	5			68	PSV	Vietnamese
21	VŨ MẠNH DŨNG	CLO	57-58	2	9			77	PSV	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG PHƯỚC	CLO	54	1	8			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	7	489	7	45	2	40	4		
2	CLO	15	1.093	19	118	3	50	18		
TOTAL		22	1.582	26	163	5	90	22		
WEIGHT KG			1.582		163		90			

GRAND TOTAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2025	TO: P3 - P4 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - TU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN CONG THANH	P3	61	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN SY	P3	70	1	15	32	75	XAYLAP	Vietnamese
3	VU QUOC VUONG	P3	62-64	3	18		74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN MINH NGOC	P3	68-69	2	22		90	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN QUANG	P3	65	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI DUY TAN	P3	66-67	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
7	DO NHAT QUI	P3	72	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
8	CHU TIEN DUNG	P3	71	1	9		92	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM THE TRUONG	P4	36	1	6	42	77	KHI	Vietnamese
10	PHAM TRAI	P4	31	1	6		62	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN DANG TUAN	P4	35	1	7		69	KHI	Vietnamese
12	Dinh NGOC QUY	P4	42	1	4		78	KHI	Vietnamese
13	TA XUAN HIEU	P4	30	1	7		67	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TRUNG	P4	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU LUAN	P4	39	1	4		73	KHI	Vietnamese
16	PHAM DUC HIEP	P4	40	1	3		83	KHI	Vietnamese
17	PHAN DINH NHAM	P4	33	1	5		62	KHI	Vietnamese
18	LE TRUNG LAM	P4	41	1	4		71	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VIET NGOC	P4	29	1	5		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	34	1	4		77	KHI	Vietnamese
21	PHAN HONG TAM	P4	37-38	2	10		61	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TAI	P4	28	1	4		69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	8	12	115	599	32	1		
2	P4	14	15	74	984	42	16		
3	CLO	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	27	189	1.583	74	22		
WEIGHT KG				189	1.583	74			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2025	TO: RP3 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - TU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM BINH NAM	RP3	59	1	7			60	KHI	Vietnamese
2	NGO NGOC HAN	RP3	60-61	2	10			64	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TUAN	TD1	36-37	2	17			74	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN MINH	TD1	80	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
5	VU MANH HAI	TD1	84	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN QUANG SANG	TD1	86	1	4			53	KHOAN	Vietnamese
7	LE BA PHUONG	TD1	85	1	5	2	25	76	KHOAN	Vietnamese
8	DOAN VAN KHUU	TD1	87	1	12			62	KHOAN	Vietnamese
9	DOAN VAN MUOI	TD1	71	1	14			64	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN THIEN	TD1	78	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
11	REMENNIKOV FEDOR	TD1	38	1	10			95	KHOAN	Russian
12	VU THE HUNG	TD1	77	1	13			66	KHOAN	Vietnamese
13	LE HUU HUNG	TD1	76	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THE DUNG	TD1	83	1	12			64	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN THUONG VU	TD1	73	1	14			91	KHOAN	Vietnamese
16	VU THANH TUNG	TD1	74-75	2	11			59	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG CÔNG DANH	TD1	92-93	2	19	4	46	75	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VO DINH DUY	TD1	88-89	2	22	1	20	72	DVL	Vietnamese
19	LE VAN NGOC	TD1	81	1	5			79	PSV	Vietnamese
20	TRIEU MINH HONG	TD1	79	1	2			69	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DINH MUOI	TD1	82	1	8			72	PSV	Vietnamese
22	ĐẠU ĐỨC HUNG	TD1	94	1	6			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	2	124	3	17	0	0	2		
2	TD1	20	1.428	24	206	7	91	20		
TOTAL		22	1.552	27	223	7	91	22		
WEIGHT KG			1.552		223		91			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2025	TO: P10 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LHM - NPHU - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM MINH ĐỨC	P10	13-14	2	18	1	13	84	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN TRỌNG QUÊ	P10	33-34	2	23			69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN ĐÌNH THÀNH	P10	29	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN CUÔNG	P10	35-36	2	18			58	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN BA ĐIỆN	P10	30-31	2	16			80	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO ĐỨC TRƯỞNG	P10	11-12	2	15			59	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUÂN HỌC	P10	32	1	18			56	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUYEN	P10	22	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
9	VÕ VĂN HIỆP	P10	20-21	2	19	1	3	72	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THƯƠNG	P10	06-07	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM MINH TRUNG	P10	10	1	13			83	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN BAC	P10	08-09	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN TAM	P10	15	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
14	MAI TRUNG DƯƠNG	P10	23	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN TIN	P10	04-05	2	12			78	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG PHAM ĐAI	P10	18-19	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN CONG ĐOAN	P10	16-17	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
18	LA VAN ĐỨC	P10	26-27	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TRAN VINH	P10	28	1	11			59	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HẠNH	P10	24-25	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	92	1	4	3	38	69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	20	1.372	33	317	2	16	13		
2	PPD	1	69	1	4	3	38	9		
TOTAL		21	1.441	34	321	5	54	22		
WEIGHT KG			1.441		321		54			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2025	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG -	ETA: 11:45
CAM-2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	52	1	3	3	60	81	KHI	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUY	P4	48	1	10	1	32	71	DYL	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P4	49-50	2	12			61	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P4	46-47	2	19			66	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	25	1	4			60	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	37	1	3			77	KHI	Vietnamese
7	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	27	1	12			75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	35	1	5			69	KHI	Vietnamese
9	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	36	1	6			85	KHI	Vietnamese
10	DOÀN THANH CÔNG	PPD	24	1	9			71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	32-33	2	9			76	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	19	1	3			67	KHI	Vietnamese
13	KOLESNIK A.Y	PPD	23	1	8			105	KHI	Russian
14	LÊ MINH PHỤNG	PPD	29	1	7			78	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HAI QUANG	PPD	40	1	4			72	KHI	Vietnamese
16	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	30	1	7			83	KHI	Vietnamese
17	BUI THANH	PPD	31	1	3			62	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	34	1	6			69	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	20-21	2	12			105	KHI	Vietnamese
20	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	26	1	5			77	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	PPD	38-39	2	12			85	KHI	Vietnamese
22	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	22	1	8			64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				PCS
1	P4	4	279	6	44	4	92	1	
2	PPD	18	1.380	21	123	0	0	21	
TOTAL		22	1.659	27	167	4	92	22	
WEIGHT KG			1.659		167		92		

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN